

ST, ngày 19 tháng 7 năm 2019

Số: 03/2019/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 04/2019/TLST-DS ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện ST.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: NHCSXH;

Địa chỉ: 169 Phố LĐ, Phường HL, quận HM, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T1 - Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện ST, tỉnh QN, theo văn bản ủy quyền số 4716 ngày 25/11/2016. Ông Trần Minh T1 ủy quyền lại cho ông Phạm Minh C – Cán bộ tín dụng Phòng giao dịch huyện ST theo văn bản ủy quyền ngày 03/7/2019.

Nơi làm việc: Thôn TV, xã SD, huyện ST, tỉnh QN; Số điện thoại:; số fax: không.

- Bị đơn: ông Trịnh Thanh N, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Thôn HE, xã SM, huyện ST, tỉnh QN.

Chỗ ở hiện nay: Thôn TL, xã SM, huyện ST, tỉnh QN.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ trả nợ: Bị đơn ông Trịnh Thanh N đồng ý trả số tiền là 40.613.443 đồng (cả gốc + lãi) cho Nguyên đơn NHCSXH (*thông qua Phòng giao dịch huyện ST, tỉnh QN*). Trong đó tiền vay Chương trình Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn với số tiền gốc là 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*), tiền lãi chưa trả là 2.068.295đ (*hai triệu không trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng*). Tiền vay Chương trình nước sạch và môi trường nông thôn số tiền vay là 8.000.000đ (*tám triệu đồng*), tiền lãi chưa trả là 545.148đ (*năm trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi tám đồng*). Việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Trịnh Thanh N kể từ ngày 19/7/2019.

Đối với khoản tiền lãi của hai món vay (*Sản xuất kinh doanh và Nước sạch VSMT*) tính sau ngày 09/5/2019 chưa thanh toán ông Trịnh Thanh N phải có nghĩa vụ tiếp tục trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được: Bị đơn chịu nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.015.366 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND h ST;
- Chi cục THADS h ST;
- TAND tỉnh QN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Phước

